

75. XÃ LẤP VÒ

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường 1 tháng 5	Đường 3 tháng 2	Nguyễn Trung Trục	16.000
2	Đường 1 tháng 5 nối dài	Đường 3 tháng 2	Lý Tự Trọng	22.000
		Đường Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	12.000
		Đường Trần Hưng Đạo	Lý Thái Tổ (Nguyễn An Ninh cũ)	6.000
3	Đường 19 tháng 8	Đường 3 tháng 2	Nguyễn Trung Trục	16.000
4	Đường 19 tháng 8 nối dài	Đường 3 tháng 2	Lý Tự Trọng	22.000
		Đường Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	12.000
		Đường Trần Hưng Đạo	Lý Thái Tổ (Nguyễn An Ninh cũ)	6.000
5	Đường 3 tháng 2	Cầu Lấp Vò	Nguyễn Chí Thanh	14.000
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Đầu Đường Nguyễn Huệ (trạm xăng)	19.000
		Nguyễn Huệ	Võ Thị Hồng	22.000
		Võ Thị Hồng	Đầu Đường Đặng Văn Bình	19.000
		Đường Đặng Văn Bình	Cầu Cái Dầu	18.000
6	Khu phố bên chợ Lấp Vò	Đường 1 tháng 5	Hẻm ngân hàng	11.000
		Giáp Đường 3 tháng 2	Giáp đoạn (Đường 1 tháng 5 - hẻm Ngân hàng)	11.000
7	Đường Nguyễn Trung Trục	Công viên số 4	Hết ranh huyện đoàn cũ	4.000
		Ranh Huyện Đoàn cũ	Đường Nguyễn Huệ	5.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
		Đường Nguyễn Huệ	Hết nhà ông Tuấn Anh (634)	8.000
		Cuối nhà Tuấn Anh	Mí hàng rào nhà ăn UBND huyện	5.000
		Mí hàng rào nhà ăn UBND huyện	Cầu Vàm Cái Dầu	3.000
8	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 3 tháng 2	2.000
		Đường 3 tháng 2	Đường Trần Hưng Đạo	14.000
		Đường Trần Hưng Đạo	Vòng xuyết dự án chỉnh trang đô thị	14.000
9	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Huệ	4.000
		Đường Nguyễn Huệ	Võ Thị Hồng	22.000
		Đường Võ Thị Hồng	Đặng Văn Bình	8.000
10	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Võ Thị Hồng	22.000
		Đường Võ Thị Hồng	Châu Văn Liêm	8.000
11	Đường Châu Văn Liêm	Đường 3 tháng 2	Trần Hưng Đạo	5.000
12	Đường Võ Thị Hồng	Đường 3 tháng 2	Trần Hưng Đạo	12.000
		Trần Hưng Đạo	Lý Thái Tổ (Nguyễn An Ninh cũ)	6.000
13	Đường Đặng Văn Bình	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường 3 tháng 2	6.000
		Đường 3 tháng 2	Nguyễn Trung Trực	5.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
14	Đường Phạm Văn Bầy	Đường 3 tháng 2	Nguyễn Trung Trục	3.000
15	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường 3 tháng 2	Trần Hưng Đạo	5.000
16	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 tháng 4 (Cái Dầu cũ)	Võ Thị Hồng	8.000
		Võ Thị Hồng	Nguyễn Huệ	7.000
		Nguyễn Huệ	Nguyễn Chí Thanh	4.000
		Nguyễn Chí Thanh	Thiên Hộ Dương	3.000
17	Quốc lộ 80	Cầu Cái Tắc	Cầu Cai Quán	3.000
		Cầu Cai Quán	Giao lộ 849 cũ	4.000
		Giao lộ Đường tỉnh 849 cũ	Cầu Cai Bường	6.000
		Cầu Cai Bường	Nhà thờ Vĩnh Thạnh	8.000
		Nhà thờ Vĩnh Thạnh	Cầu Phú Diệp A	5.000
		Phú Diệp A	Kênh Cà Na	3.000
		Kênh Cà Na	Thiên Hộ Dương	4.000
		Đường 30 tháng 4 (rạch Cái Dầu)	Cổng Cái Sơn	5.000
		Cổng Cái Sơn	Cuối ranh kênh 26 tháng 3	3.000
		Ranh kênh 26 tháng 3	Ngã 5 Vàm Cống (tâm vòng xuyên)	5.000
		Ranh ngã 5 Vàm Cống	Cuối phà Vàm Cống	4.400
		Ranh Chùa Cao Đài	Đường Thiên Hộ Dương	4.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
		Đường 30 tháng 4 (rạch Cái Dầu)	Cổng Cái Sơn	5.000
		Cổng Cái Sơn	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Ba Quyên)	3.000
18	Đường Khu dân cư số 5	Lý Thái Tổ (Nguyễn An Ninh cũ)	Đường 2 tháng 9	2.000
19	Đường chùa Cao Đài	Quốc lộ 80	Chùa Phước Dinh	1.200
20	Đường Thiên Hộ Dương (rạch Lấp Vồ)	Đường 2 tháng 9	Cầu Bà Hai (Đường đan)	1.400
		Quốc lộ 80	Đường chùa Cao Đài (Đường đất)	1.200
		Đường 3 tháng 2	Đường Trần Hung Đạo	2.400
21	Đường 2 tháng 9 (kênh 90)	Đường 30 tháng 4	Võ Thị Hồng	5.000
		Võ Thị Hồng	Đường 1 tháng 5 (D1)	3.000
		Đường 1 tháng 5 (D1)	Đường 19 tháng 8 (D2)	3.000
		Nguyễn Huệ	Thiên Hộ Dương	2.000
22	Đường Ngã Cạy	Trung tâm thương mại	Đường Cái Ninh (2 bên)	2.000
23	Đường 30 tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thái Tổ (Nguyễn An Ninh cũ)	2.000
		Đường Lý Thái Tổ (Nguyễn An Ninh cũ)	Cầu Cái Ninh	1.800

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
24	Đường Võ Thị Sáu	Quốc lộ 80	Lý Thái Tổ	2.400
		Lý Thái Tổ	Ranh Bình Thành	2.000
25	Đường rạch Cái Sơn	Quốc lộ 80	Lý Thái Tổ	1.300
		Quốc lộ 80	Ngô Quyền	1.300
		Lý Thái Tổ	Cuối tuyến lộ đản	1.200
26	Đường Ngô Quyền (rạch Cái Dâu - Vàm Cống)	Quốc lộ 80	Rạch Cái Sao	2.000
27	Đường chùa Linh Thứu	Toàn tuyến		1.200
28	Đường Phan Chu Trình	Quốc lộ 80	Ranh Ngô Quyền	4.000
		Quốc lộ 80	Đường Lý Thái Tổ	7.000
		Đường Lý Thái Tổ	Đường số 20	2.000
29	Đường Lê Anh Xuân	Quốc lộ 80	Ranh Ngô Quyền	4.000
		Quốc lộ 80	Đường Lý Thái Tổ	4.000
30	Đường rạch Cái Sao	Toàn tuyến		1.200
31	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Ba Quyên)	Quốc lộ 80	Ranh Bình Thành cũ	3.000
		Đoạn còn lại	Toàn tuyến	1.600
32	Đường Nguyễn Thái Học	Quốc lộ 80	Ranh Ngô Quyền	4.000
33	Tuyến dân cư số 6	Toàn tuyến		4.000
34	Đường tuyến dân cư số 7	Toàn tuyến		3.000
35	Đường Dự án Chính trang Đô thị	Giáp vòng xuyên dự án Chính trang Đô thị	Đường 30 tháng 4 (Đường Cái Dâu)	8.000
		Dự án Chính trang đô thị	Đường 30 tháng 4 (02 bên)	1.800




STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
36	Tuyến dân cư Bình Thạnh 2	Toàn tuyến		3.200
37	Trung tâm thương mại Lấp Vò	Đường số 04, 05 và 11	Toàn tuyến	3.200
		Đường số 03, 06, 08, 09 và 10	Toàn tuyến	3.800
		Đường số 01, 07	Toàn tuyến	4.800
		Đường số 12	Toàn tuyến	8.000
		Đường số 02	Toàn tuyến	8.000
38	Đường số 10	Quốc lộ 80	Đường Lý Thái Tổ	4.000
39	Đường 23	Quốc lộ 80	Đường Lý Thái Tổ	4.000
40	Đường số 4	Đường Lý Thái Tổ	Quốc lộ 80 (tiếp giáp Trường Nguyễn Trãi)	5.000
41	Đường rạch Cái Ninh	Cầu Bà Hai	Cầu Cái Ninh	3.000
42	Đường nối từ Đường số 12	Trung tâm thương mại	Hết ranh trường tiểu học Lấp Vò 1	4.000
43	Hẻm	Hẻm Khu dân cư số 3	Toàn tuyến	1.400
		Hẻm Khu dân cư số 4	Toàn tuyến	1.400
	Hẻm cặp Phòng Công Thương (Giao thông - Xây dựng cũ)	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Trung Trực	2.000
		Sau nhà ông Trường Sơn (435)	Hết thửa đất nhà bà Tới (420)	2.000
	Hẻm nhà ông Sơn	Đường 3 tháng 2	Ranh Đường Nguyễn Trung Trực	2.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
		Hẻm phía sau bưu điện mới	Toàn tuyến	1.600
		Hẻm cặp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lấp Vò	Toàn tuyến	4.000
		Hẻm cặp nhà ông Quyền (Đường 1 tháng 5 - hẻm Ngân Hàng)	Toàn tuyến	2.000
		Hẻm cặp Bưu điện (cũ)	Toàn tuyến	1.600
		Hẻm nhà thờ Lấp Vò	Toàn tuyến	1.200
		Hẻm xung quanh đình Lấp Vò	Toàn tuyến	1.200
		Hẻm lô C khu dân cư Ngã Cạy	Toàn tuyến	1.200
		Đường Võ Thị Hồng	Châu Văn Liêm	2.000
	Hẻm phía sau nhà Bác sĩ Chuyển	Đường Châu Văn Liêm - nhà ông Minh Long	Toàn tuyến	1.600
		Hẻm phía sau điện lực	Toàn tuyến	1.200
		Hẻm khu vực Nhà máy quốc doanh 3	Toàn tuyến	1.200
44	Chợ Vàm Cống mới	Đoạn loại 1		11.600
		Đoạn loại 2		8.000
		Đoạn loại 3		5.000
		Đoạn loại 4		4.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
45	Chợ Vàm Cống cũ	Đoạn loại 3		8.000
		Đoạn loại 4		4.000
46	Chợ Vĩnh Thạnh cũ	Đoạn loại 1		8.000
		Đoạn loại 2		4.000
		Đoạn loại 3		2.400
		Đoạn loại 4		2.000
47	Chợ Bàu Hút	Đoạn loại 1		5.000
		Đoạn loại 3		3.000
		Đoạn loại 4		2.000
48	Khu dân cư Đường tỉnh 850	Đoạn loại 2		10.000
		Đoạn loại 4		4.000
49	Cụm dân cư Bình Hiệp 1	Đoạn loại 2		9.000
		Đoạn loại 3		4.000
		Đoạn loại 4		3.000
50	Khu dân cư Bình Hiệp A	Đoạn loại 2		4.000
		Đoạn loại 3		3.000
51	Khu TĐC Tuyển công nghiệp Bắc Sông Xáng	Toàn khu		4.000
52	Khu dân cư Chùa Ông	Toàn khu		1.800
53	Khu Tái định cư Mũi Tàu	Đoạn loại 1		4.000
		Đoạn loại 4		1.000
54	Khu Tái định cư Cụm công nghiệp Vàm Cống	Đoạn loại 1		4.400
		Đoạn loại 2		2.000
		Đoạn loại 3		1.320
55	Khu dân cư Số 1 (xã Bình Thành cũ)	Đoạn loại 2		8.000
		Đoạn loại 3		5.000
		Đoạn loại 4		2.000
56	Khu dân cư ấp Bình Hoà	Toàn khu		1.600



STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
57	Khu Tái định cư cầu Cai Bường	Đoạn loại 1		8.000
		Đoạn loại 2		4.000
		Đoạn loại 3		3.000
58	Cụm dân cư Trung tâm xã Vĩnh Thạnh cũ	Đoạn loại 1		10.000
		Đoạn loại 2		4.000
		Đoạn loại 3		3.000
		Đoạn loại 4		2.000
59	Khu dân cư Sao Mai Bình Thạnh Trung	Đoạn loại 2		4.000
		Đoạn loại 3		3.000
60	Quốc lộ 54	Giáp Đường dẫn phà Vàm Cống	Cầu Hoà Lạc	2.600
61	Đường gom Cao tốc (2 bên)	Toàn tuyến		900
62	Đường tỉnh 849	Cầu Kênh Thầy Lâm	Cầu Thủ Ô	3.240
		Cầu Thủ Ô	Giao lộ Đường tỉnh 849 với Đường tỉnh 852B	4.200
		Giao lộ Đường tỉnh 849 với Đường tỉnh 852B	Quốc lộ 80 (cầu Vĩnh Thạnh mới)	4.000
63	Đường tỉnh 852B	ĐH 64	ĐH 65	6.000
		ĐH 65	Cầu 2/9	4.000
		Cầu 2/9	Cầu Bộ Sỏi	4.000
		Cầu Bộ Sỏi	Đường tỉnh 849	2.200
64	Đường ĐH 64 (Huyện lộ 45)	Ranh Làng (Bình Thạnh Trung)	Ranh Trung tâm y tế huyện	4.000
		Ranh Trung tâm y tế	Ngã Ba Thiên Mã (chốt Công an)	6.000
		Ngã Ba Thiên Mã (chốt Công an)	Cầu Lấp Vò	10.000
65	Đường ĐH 65 (Đường Tân Bình - Kênh Tư)	Ngã Ba Thiên Mã (Giáp Đường ĐH 64)	Cầu Bờ Cao	3.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
		Cầu Bờ Cao	Cầu Bàu Hút	
		Cầu Bàu Hút	Ranh xã Tân Khánh Trung	1.600
66	Đường DH 66 (Đường 26 tháng 3)	Cầu 2 Đâu	Quốc lộ 80	900
67	Đường DH 67 (Đường 2 tháng 9)	Vàm Lung Độn	Cầu Bàu Hút	1.200
		Cầu Bàu Hút	Bến đò số 8	1.000
68	Đường DH 68 (Đường Kênh Thầy Lâm)	Đoạn tiếp giao lộ Đường tỉnh 849	Cầu Kênh Tư	900
69	Đường Cái Dâu Xếp Bà Vại	Cầu Ranh Kênh 91 (ranh xã Bình Thành, Định An)	Cầu Cái Ninh	1.400
70	Đường đoạn Cái Dâu - Vàm Cống	Cầu cái Sao	Cầu 26 tháng 3	1.000
		Dẫn phà Vàm Cống	Cầu Hăng nước mắt cũ	2.000
		Cầu 26 tháng 3	Quốc lộ 80	2.000
71	Đường Đ18 Vĩnh Thạnh	Toàn tuyến		1.000
72	Đường vành đai trung tâm Vĩnh Thạnh	Toàn tuyến		900
73	Đường Đ9 nối dài Trung tâm Vĩnh Thạnh	Toàn tuyến		3.000
74	Đường Đ7 nối dài Trung tâm Vĩnh Thạnh	Quốc lộ 80	Đường Đ2	4.000
		Đường Đ2	Đường Vành đai	3.000
75	Đường Lý Thái Tổ	Nguyễn Huệ	Đường 30 tháng 4	8.000
		Đường Võ Thị Sáu	Quảng trường	7.000
		Quảng trường	Đường Phan Chu Trinh	7.000
76	Đường huyện 66 (Ven sông Hậu)	Đoạn phà Vàm cống	Cầu cái Súc	2.000